

Quảng Bình, ngày tháng 05 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: TIẾNG TRUNG II

(Tên tiếng Anh: CHINESE II)

- Mã số học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số giờ tín chỉ: 30 (trong đó: lý thuyết: 12, bài tập: 18)

- Ngành học: Ngôn ngữ Anh

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Tiếng Trung

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Quốc Bảo

2. Điều kiện tiên quyết: hoàn thành học phần TIẾNG TRUNG I

3. Mục tiêu của học phần:

+ Về kiến thức

Học phần tiếng Trung II là sự tiếp nối của học phần tiếng Trung I, kiến thức được chọn lọc và sắp xếp theo mức độ khó tăng dần, nội dung các bài khóa với các chủ đề gần gũi trong cuộc sống như: hỏi về vị trí, phương hướng, về ngày tháng, nói về kế hoạch, dự định, lựa chọn... Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từ ngữ vào các tình huống giao tiếp hàng ngày.

+ Về kỹ năng

Thông qua học phần tiếng Trung II sinh viên được tiếp tục rèn luyện khả năng giao tiếp thông qua các kỹ năng luyện âm, nghe, nói, đọc, viết. Nội dung bài khóa phong phú, từ vựng kết cấu ngữ pháp đa dạng như cách dùng 在, 吧, 怎么样, “先....., 然后.....” giúp cho sinh viên nắm vững và nâng cao kiến thức, đồng thời tự tin hơn trong giao tiếp..

+ Về thái độ

Học phần rèn luyện cho sinh viên thái độ nghiêm túc, chăm chỉ chuyên cần, hoàn thành các bài tập trên lớp cũng như về nhà do giảng viên yêu cầu, tạo nền tảng tốt cho những học phần tiếp theo. Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lễ độ, tôn trọng thầy cô giáo, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác tương trợ lẫn nhau, đặc biệt luôn nêu cao tinh thần tự học.

4. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<i>Về kiến thức</i>
CĐR1	Người học nắm được các từ vựng, cấu trúc khi muốn hỏi người khác về vị trí, cách dùng động từ 在, trợ từ ngữ khí 吧
CĐR2	Người học nắm được các từ vựng, cấu trúc khi muốn hỏi người khác về ngày tháng, cách dùng của 怎么样
CĐR3	Người học nắm được cách sử dụng kết cấu“先……, 然后……”, kết cấu 来/去 (O1) + V + (O2)
CĐR4	Người học phân biệt được cách dùng của 一下 và 一点儿
CĐR5	Người học nắm được cách dùng giới từ 在, kết cấu “从……到……”
CĐR6	Người học nắm được cách dùng của giới từ 对, câu nghi vấn 呢, câu hỏi biểu thị lựa chọn 还是
	<i>Về kỹ năng</i>
CĐR7	Người học có kỹ năng phân tích nội dung bài học. Kỹ năng trình bày các sản phẩm, bài tập, thảo luận cặp nhóm.
CĐR8	Có kỹ năng vận dụng nội dung bài học vào cuộc sống giao tiếp hàng ngày.
	<i>Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>
CĐR9	Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 6 bài (từ bài 7 đến bài 12) trong giáo trình 发展汉语 (第二版) 初级综合I giúp sinh viên tiếp tục nâng cao khả năng nghe nói đọc viết, từ bài 7 đến bài 12 với nội dung bài khóa phong phú, được thiết kế dễ hiểu, liên quan đến cuộc sống hàng ngày, giúp sinh viên dễ tiếp thu, tạo nền tảng cho việc học lên các học phần tiếp theo, đồng thời giúp sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp. Các dạng bài tập được thiết kế đa dạng phù hợp với các hoạt động từng cá nhân, cặp, hoặc nhóm.

6. Nội dung chi tiết học phần:

第 7 课：中国银行在哪儿？

1. 存在句
2. 方位词
3. “还”、“那儿”、“吧”

第 8 课：今天几号？

1.对吗？

2. 怎么样？

第 9 课：你今天有什么安排？

1.“先……， 然后……”

2. 来/去 (O1) + V + (O2)

第 10 课：这个星期天你忙不忙？

1. 一下

2. 一点儿

第 11 课：我在学校食堂吃饭

1. 在+地方

2. 从……到……

第 12 课：你要茶还是咖啡？

1. “对”介词

2. “呢”疑问句

3. “还是”

7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian:

Bài	Tên bài	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác (*)
1	中国银行在哪儿？	5	2	3			
2	今天几号？	5	2	3			
3	你今天有什么安排？	5	2	3			
4	这个星期天你忙不忙？	5	2	3			
5	我在学校食堂吃饭	5	2	3			
6	你要茶还是咖啡？	5	2	3			

(*) Các hình thức tổ chức học tập khác như ngoại khóa, làm bài tập nhóm ...

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các bài) của học phần

Bài	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
7	1	1	1	1	1	1	1	1	1
8	1	1	1	1	1	1	1	1	1
9	1	1	1	1	1	1	1	1	1
10	1	1	1	1	1	1	1	1	1
11	1	1	1	1	1	1	1	1	1
12	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích

8. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức các hoạt động, phương pháp xử lý tình huống, phương pháp làm việc nhóm...

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu.
- Làm bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1].荣继华编著·《发展汉语(第二版)初级综合I》,北京语言大学出版社·2011.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [1]. 李晓琪主编·博雅汉语 – 初级. 起步篇 I, 北京大学出版社, 2004
- [2]. 杨寄洲主编,《汉语教程》·北京语言大学出版社, 2009
- [3].武青道主编, 现代汉语语法, 胡志明大学出版社, 2005

11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
----	-----------------------	--------------------	----------

1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài - Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh.	5%
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Nội dung 1: hỏi về địa điểm, nơi chốn, hỏi về ngày tháng. Cách dùng của 存在句, 方位词, cách dùng của 对吗, 怎么样 - Nội dung 2: cách dùng của 一下, 一点儿, kết cấu 从...到..., trợ từ nghi vấn 呢, giới từ 对	- Bài kiểm tra viết - Bài kiểm tra viết	35%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Viết, trắc nghiệm	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
Quan sát, điểm danh	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Kiểm tra viết	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: 1: Tương thích; 2: Tương thích một phần; 3: Không tương thích

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

Lê Thị Như Thủy

Nguyễn Quốc Bảo